

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **968/2023/LĐ - PT**

Ngày: 21 - 9 - 2023

V/v “Tranh chấp về đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động, bồi
thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm
dứt hợp đồng lao động và về bảo
hiểm xã hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Kim Thúy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Tài.

Bà Nguyễn Thị Thoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lành, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thư - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 13 và ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2023/TLPT-LĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động và về bảo hiểm xã hội”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số: 06/2023/LĐ-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3519/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 11978/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 9 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình P, sinh năm: 1958. Thường trú: Số E đường T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Văn Q. Địa chỉ: A đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Là người đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền ngày 24/6/2019).

Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ. Địa chỉ: A Hồ H, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Tấn T. Chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trương Cao C. Địa chỉ: B M, H, Khu phố D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Là người đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền ngày 12/5/2021)

Người làm chứng:

- Bà Trần Thị Kim D. Địa chỉ: Ấp D, xã A, huyện B, tỉnh Long An.
- Bà Nguyễn Thị Thủy T1. Địa chỉ: A M, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ông Lưu Văn P1. Địa chỉ: A N, N, C, Cần Thơ.
- Bà Phạm Thị Phương T2. Địa chỉ: Số A, Ô, khu A, TT H, Đ, Long An.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Đình P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình P, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Phan Văn Q là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Đình P ký hợp đồng không xác định thời hạn với Công ty Cổ phần Đ Thịnh Phát tháng 7/2001, mức lương 10.080.378 đồng/tháng; Vị trí công việc: Lái xe. Ngày 01/12/2016, ông Nguyễn Đình P ký kết hợp đồng không xác định thời hạn với Công ty Cổ phần Đ trí lái xe, mức lương theo hợp đồng là 7.700.000 (bảy triệu, bảy trăm nghìn) đồng/tháng. Mức lương đóng BHXH là 10.080.378 (mười triệu, không trăm tám mươi nghìn, ba trăm bảy mươi tám) đồng. Ngày 18/2/2019, Công ty ra quyết định số 17/QĐTGD chấm dứt hợp đồng với ông P từ ngày 18/2/2019. Lý do: Thỏa thuận. Tuy nhiên, ông P và Công ty không có bất kì thỏa thuận nào để chấm dứt hợp đồng lao động.

Nay ông P yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định thôi việc số 17 ngày 18/2/2019;
- Yêu cầu Công ty Cổ phần Đ thường số tiền tính đến ngày 24/5/2023 tổng cộng là 642.590.495 (sáu trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm chín mươi nghìn, bốn trăm chín mươi lăm) đồng. Trong đó, thu nhập do không được làm việc tạm tính 51 tháng 7 ngày tính từ 18/02/2019 đến tháng 24/5/2023 là 517.039.388 (năm trăm mười bảy triệu, không trăm ba mươi chín, nghìn ba trăm tám mươi tám) đồng; Bồi thường hai tháng lương trong hợp đồng tại khoản 1

Điều 42 Bộ luật Lao động 2012 là 20.160.756 (hai mươi triệu, một trăm sáu mươi nghìn, bảy trăm năm sáu) đồng; Trả tiền BHXH, BHYT là 20,5% là 105.390.351 (một trăm lẻ năm triệu, ba trăm chín mươi nghìn, ba trăm năm mươi một) đồng.

- Không yêu cầu Công ty nhận ông P trở lại làm việc.

Ngày 14/5/2020, ông Phan Văn Q đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại yêu cầu trả tiền trợ cấp thôi việc từ tháng 7/2001 đến tháng 12/2008 trong đơn khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Công ty Cổ phần Đ có ông Trương Cao C là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Nguyễn Đình P ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ vào tháng 7/2001 với công việc là tài xế, sau khi ông P nghỉ việc vào tháng 11/2016, Công ty đã chốt Bảo hiểm xã hội cho ông P đến tháng 11/2016. Ngày 01/12/2016, ông Nguyễn Đình P ký kết hợp đồng không xác định thời hạn với Công ty Cổ phần Đ trí lái xe, mức lương theo hợp đồng là 7.700.000 (bảy triệu, bảy trăm nghìn) đồng/tháng. Mức lương đóng BHXH là 10.080.378 (mười triệu, không trăm tám mươi nghìn, ba trăm bảy mươi tám) đồng. Tại thời điểm trao đổi, bố trí lại công việc (ngày 05/01/2019) ông P đã trên 60 tuổi. Lý do trao đổi, thỏa thuận bố trí lại công việc: Theo quy định của pháp luật lao động về sử dụng lao động là người cao tuổi: Không bố trí công việc nặng nhọc, không bố trí làm thêm giờ, giảm giờ làm. Công việc của ông P là tài xế lái xe tải cẩu hàng (trọng tải xe là 14.25 tấn); Hàng hóa chuyên chở là các cuộn điện có kích thước lớn (đường kính từ 1,8m trở lên) là hàng hóa thuộc diện nặng nhọc và công kênh, nguy hiểm, áp lực cao, thường xuyên vận chuyển vào ban đêm (ngoài giờ cao điểm), đường giao thông vào các công trình rất khó khăn,....

Mặt khác, do Công ty Cổ phần Đ kế hoạch tách ra thành Công ty Cổ phần Đ. Hiện nay, Công ty Đ đã được chuyển nhượng cho chủ đầu tư nước ngoài và toàn bộ phương tiện vận chuyển nội bộ được chuyển giao cho Công ty Đ, tuy nhiên Công ty Đ không sử dụng phương tiện vận chuyển nội bộ do không hiệu quả. Ngày 05 tháng 01 năm 2019, đại diện Công ty G (Tổng quản kho, Tổ trưởng Tổ điều vận) và phòng Hành chánh – Nhân sự đã bố trí lịch họp với ông Nguyễn Đình P, nêu các lý do như trên, bố trí để ông Nguyễn Đình P làm công việc nhẹ nhàng, phù hợp với sức khỏe và tuân thủ đúng quy định của pháp luật về sử dụng lao động là người cao tuổi với mức lương và chế độ bảo hiểm không thay đổi. Tuy nhiên, ông P từ chối nhận việc và nguyện vọng được nghỉ, cụ thể ý của ông P như sau “không đồng ý bố trí làm việc ở kho, ông P đã báo cho chị T1 (Trưởng Phòng hành chính nhân sự) và yêu cầu chị T1 cho quyết định nghỉ việc chứ không đồng ý làm công việc khác ngoài việc lái xe”. Việc này thể hiện ý chí và nguyện vọng của ông P là xin được nghỉ việc và Công ty đã đáp ứng nguyện vọng của ông P là xin được nghỉ việc, cho nên Công ty đã ban hành quyết định

nghi việc ngày 18/02/2019 với nội dung giải quyết chế độ nghỉ việc với lý do: Thỏa thuận giữa hai bên. Do đó Công ty ban hành quyết định nghỉ việc theo đúng nguyện vọng của ông P và cũng đúng với tinh thần cuộc họp ngày 05/01/2019 (tại bộ phận kho vận). Do vậy phía bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Đình P.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, Công ty đồng ý hỗ trợ cho ông P số tiền 50.000.000 đồng. Phía bị đơn yêu cầu đưa bà Nguyễn Thị Thủy T1 là trưởng phòng nhân sự, bà Phạm Thị Phương T2 là Tổng quản kho, bà Trần Thị Kim D và ông Lư Văn P2 vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng. Bởi vì bà T1 là người trực tiếp trao đổi, thông báo với ông P. Bà T2 là người bố trí, sắp xếp công việc, ông P2, bà D có tham gia vào cuộc họp ngày 05/01/2019.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Thủy T1 trình bày: Bà là trưởng phòng hành chính- nhân sự của Công ty Cổ phần Đ. Ông Nguyễn Đình P là tài xế lái xe tải cầu hàng(trọng tải xe là 14,25 tấn). Do ông P đã quá già quá tuổi hưu theo quy định của pháp luật, vì vậy Công ty bố trí lại công việc nhẹ nhàng phù hợp với tuổi ông P là nhân viên kho, hỗ trợ thủ kho cấp phát vật tư với mức lương không thay đổi và các chính sách về bảo hiểm vẫn như cũ. Tuy nhiên ông Phòng k đồng ý và yêu cầu Công ty cho nghỉ việc. Bà có mời ông P lên phòng nhân sự để trao đổi, giải thích, thuyết phục nhưng ông từ chối và yêu cầu được nghỉ việc. Bà đã báo cáo lên ban lãnh đạo Công ty và Ban lãnh đạo đồng ý cho ông P nghỉ việc theo nguyện vọng. Ông P có tham dự và ký vào văn bản. Bà cam kết trình bày đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm với lời khai của mình.

Người làm chứng bà Phạm Thị Phương T2 trình bày: Bà là Tổng quản kho, quản lý trực tiếp của ông P tại thời điểm còn làm việc tại Công ty Cổ phần Đ. Đầu tháng 12/2018, Công ty có yêu cầu đánh giá lại hiệu quả sử dụng xe, đồng thời chủ trương của Công ty sẽ dừng toàn bộ xe để thực hiện chuyển giao Công ty. Ngày 5/01/2019, bà có mời ông P tham gia cuộc họp để bố trí công việc trong kho. Thư ký cuộc họp là bà Trần Thị Kim D. Công việc bố trí cho ông P là cấp phát vật tư kho vật tư cơ điện. Vật tư trong kho cụ thể là: Bulong, ốc vít, ty tán,... Các vật tư quen thuộc với ông P, rất nhẹ và phù hợp với độ tuổi và sức khỏe của ông P. Tuy nhiên trong cuộc họp ông P từ chối công việc nêu trên và nói rất rõ nguyện vọng của mình “Tôi không đồng ý Tổng quản bố trí làm việc ở kho, tôi đã báo cho chị T1 (Trưởng Phòng hành chính nhân sự) và yêu cầu chị T1 cho quyết định nghỉ việc chứ không đồng ý làm công việc khác ngoài việc lái xe”. Kết thúc cuộc họp, Thư ký cuộc họp in biên bản và chuyển cho các thành viên tham dự đọc lại nội dung mình đã nêu trong cuộc họp, các bên tham dự cuộc họp thống nhất và ký vào biên bản. Trong suốt thời gian trao đổi, ông P tham dự và ký tên đầy đủ.

Người làm chứng bà Trần Thị Kim D trình bày: Bà là Trưởng nhóm thống kê tại Công ty Cổ phần Đ, Ngày 05/01/2019 chi Thu- Tổng quản kho có mời bà và ông Lưu Văn P1 cùng ông Nguyễn Đình P tham gia cuộc họp bố trí công việc trong kho cho ông P và hướng dẫn ông P bàn giao và lập biên bản bàn giao xe ông P đang chạy lại cho Công ty. Bà là Thư ký cuộc họp. Trong cuộc họp, chị T2 bố trí công việc cho ông P là cấp phát vật tư kho vật tư cơ điện. Tuy nhiên, ông P từ chối và yêu cầu cho nghỉ việc. Đồng thời ông P phản nản nội dung biên bản bàn giao xe chưa đầy đủ. Bà đã ghi nhận ý kiến của các bên tham gia họp, kết thúc cuộc họp bà in biên bản và các thành viên tham dự đọc lại nội dung đã nêu trong cuộc họp, các bên tham gia thống nhất nội dung và ký tên trên biên bản.

Người làm chứng ông Lưu Văn P1 trình bày: Ông là Trưởng nhóm điều vận tại Công ty Cổ phần Đ. Ông xác nhận ông có tham gia cuộc họp ngày 05/01/2019, trong cuộc họp có ông P tham gia và ký tên trong biên bản.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số: 06/2023/LĐ-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình P đối với các yêu cầu: Hủy Quyết định thôi việc số 17 ngày 18/2/2019; Yêu cầu Công ty Cổ phần Đ thường số tiền tính đến ngày 24/5/2023 tổng cộng là 642.590.495 (Sáu trăm bốn mươi hai triệu năm trăm chín mươi nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng). Trong đó, thu nhập do không được làm việc tạm tính 51 tháng 7 ngày tính từ 18/02/2019 đến tháng 24/5/2023 là 517.039.388 (năm trăm mười bảy triệu không trăm ba mươi chín nghìn ba trăm tám mươi tám đồng); Yêu cầu bồi thường hai tháng lương trong hợp đồng tại khoản 1 Điều 42 Luật lao động 2012 là 20.160.756đ; Yêu cầu trả tiền BHXH, BHYT là 20,5% là 105.390.351(một trăm lẻ năm triệu ba trăm chín mươi nghìn ba trăm năm mươi mốt đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc trả tiền trợ cấp thôi việc từ tháng 7/2001 đến tháng 12/2008.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần Đ trợ ông Nguyễn Đình P số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền thi hành án và kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/6/2023, ông Phan Văn Q là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đình P nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại thời điểm Công ty Đ cho ông P nghỉ việc thì ông P đã đủ tuổi nghỉ hưu 60 tuổi nhưng thời gian đóng Bảo hiểm xã hội chưa đủ 20 năm là người lao động cao tuổi theo quy định tại Điều 187 Bộ luật Lao động nên ông Phòng không thuộc trường hợp đương nhiên chấm dứt hợp đồng lao động theo khoản 4 Điều 36 Bộ luật Lao động.

Bị đơn cho rằng hai bên có thỏa thuận thống nhất phương án cho ông P nghỉ việc là cố tình gây sức ép buộc người lao động nghỉ việc vì ngày 30/12/2018 Công ty Đ đã niêm phong xe không cho ông P chạy.

Thông báo chấm dứt hợp đồng lao động số 01 ngày 02/01/2019 có trước biên bản họp lập ngày 05/01/2019, nội dung biên bản họp ngày 05/01/2019 không thỏa thuận nghỉ việc vì ngày 05/01/2019 ông P không có mặt ở Công ty. Do đó chữ ký tại biên bản họp ngày 05/01/2019 không phải của ông P. Mặc dù trước đó ông P và ông C đại diện Công ty Đ có nhiều lần thỏa thuận miệng về việc chuyển ông P sang làm việc tại kho nhưng ông Phòng không đồng ý vì công việc ở kho vừa giao nhận vừa phải xuất hàng vừa phải chuyển hàng, nếu không cho làm tiếp công việc cũ thì ông P đồng ý nghỉ việc tuy nhiên phải giải quyết chế độ nghỉ việc theo đúng quy định pháp luật. Công ty Đ căn cứ khoản 3 Điều 36 Bộ luật Lao động “hai bên thỏa thuận...” để chấm dứt hợp đồng lao động với ông P là không có cơ sở, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy quyết định số 17 ngày 18/2/2019; Yêu cầu Công ty Cổ phần Đ thường số tiền tính đến ngày 01/8/2021 tổng cộng là 526.447.741 đồng. Trong đó, thu nhập do không được làm việc tạm tính 41 tháng tính từ 01/3/2019 đến tháng 01/8/2021 là 413.295.498 đồng; Yêu cầu bồi thường hai tháng lương trong hợp đồng tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động 2012 là 20.160.756 đồng; Yêu cầu trả tiền BHXH, BHYT là 20,5% là 92.991.487 đồng.

Đại diện bị đơn trình bày:

Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều

308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Đình P trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung kháng cáo: Nguyên đơn kháng cáo về quyết định không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với Công ty Cổ phần Đ tại Bản án sơ thẩm số 06/2023/LĐ-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân về “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Đ phải bồi thường các khoản:

- Thu nhập do không được làm việc thời gian tháng từ tháng 3/2019 đến tháng 8/2021 trên mức lương 10.080.348 đồng/tháng: $41 \times 10.080.348 \text{ đồng} = 413.295.498 \text{ đồng}$;

- Bồi thường 02 tháng tiền lương trong hợp đồng theo quy định: $9.440.000 \text{ đồng} \times 2 = 20.160.756 \text{ đồng}$;

- Trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế là 20,5 % (trong đó tiền BHXH 17,5% căn cứ khoản 1 Điều 86 Luật BHXH 2014, Điều 44 Luật An toàn Vệ sinh Lao động 2015, Điều 3 Nghị định số 44/2017/NĐ-CP; Tiền BHYT 3% căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Luật BHYT 2008, khoản 1 Điều 2 Nghị định số 105/2014/NĐ-CP) tạm tính 41 tháng là: $10.080.348 \text{ đồng} \times 20,5\% \times 41 = 92.991.487 \text{ đồng}$.

Tổng cộng số tiền 526.447.741 đồng.

[2.1] Về quan hệ lao động: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phía đại diện nguyên đơn và bị đơn đều xác định ông P và Công ty Đ có ký hợp đồng lao động số 10000873/01/HDLĐ ngày 01/12/2016, loại hợp đồng: Không xác định thời hạn; Chức danh chuyên môn: Tài xế xe chở hàng; Chức vụ: Lái xe; Công việc phải làm là “Vận chuyển hàng hóa, tài sản theo yêu cầu; Quản lý, giữ gìn tài sản theo yêu cầu; Quản lý, giữ gìn tài sản được giao sử dụng; Làm việc theo bản mô tả công việc, chịu sự phân công và báo cáo công việc cho trưởng phòng HC-NS..”; Thời gian làm việc “theo yêu cầu công việc”; Mức lương chính “7.700.000 đồng/tháng”; L đặc cách: 371.000 đồng/tháng;

Tổng thu nhập: 8.171.000 đồng/tháng, mức lương tham gia đóng bảo hiểm xã hội là 10.080.378 đồng. Căn cứ theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Bộ luật Lao động 2012: “Quan hệ lao động là quan hệ xã hội phát sinh trong việc thuê mướn, sử dụng lao động, trả lương giữa người lao động và người sử dụng lao động” có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập quan hệ lao động nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2] Xét Quyết định số 17/QĐTGD ngày 18/02/2019 của Tổng Công ty T3 về việc giải quyết chế độ nghỉ việc đối với ông Nguyễn Đình P từ ngày 18/02/2019 với lý do thỏa thuận giữa hai bên.

Về thẩm quyền ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động: Hợp đồng lao động do ông Trương Cao C là Phó Tổng giám đốc – đại diện Công ty Đ ký kết với ông Nguyễn Đình P và Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động cũng do ông Trương Cao C ký. Căn cứ bổ nhiệm số 123/QĐTGD ngày 19/5/2017, Giấy ủy quyền số 01/2019/UQ-TP ngày 01/01/2019 do ông Võ Tấn T- Tổng Giám đốc – người đại diện của Công ty Đ ký thì quyết định số 17/QĐTGD ngày 18/02/2019 ban hành đúng thẩm quyền.

Về nội dung quyết định, căn cứ vào giấy Chứng minh nhân dân của ông P sinh ngày 25/5/1958, ngày 26/5/2018 ông P đủ 60 tuổi. Theo quy định tại khoản 4, Điều 36, Bộ luật Lao động 2012 trong trường hợp người lao động đủ điều kiện về thời gian đóng Bảo hiểm xã hội và tuổi hưởng lương hưu theo quy định tại Điều 187 của Bộ luật này thì thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động. Theo quy định tại Điều 167, Bộ luật Lao động 2012 đối với người lao động cao tuổi (người tiếp tục lao động sau độ tuổi nghỉ hưu quy định tại Điều 187 Bộ luật Lao động 2012) thì người sử dụng lao động nếu có nhu cầu sử dụng và người lao động có đủ sức khỏe thì hai bên có thể thỏa thuận kéo dài thời hạn hợp đồng lao động đã ký, tuy nhiên Điều 167 Bộ luật Lao động cũng quy định người sử dụng lao động không được sử dụng người cao tuổi làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm có ảnh hưởng xấu tới sức khỏe người lao động. Như vậy, trường hợp ông P đã đủ 60 tuổi (đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ luật Lao động 2012) nếu có đủ sức khỏe và Công ty Đ có nhu cầu sử dụng lao động thì hai bên thỏa thuận kéo dài thời hạn của hợp đồng lao động đã ký, tuy nhiên tại khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 3 Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố H có quy định về hạn chế và cấp phép cho ô tô chở hàng, ô tô tải lưu thông trong khu vực nội đô Thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018) thì ô tô chở hàng hoặc thiết bị chuyên dùng có khối lượng chuyên chở cho phép xác định theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường bộ từ 1.500

kg trở lên không được phép lưu thông vào khu vực nội đô thành phố từ 06 giờ đến 22 giờ hàng ngày, nên nếu ông P tiếp tục thực hiện công việc theo hợp đồng lao động giữa các bên ký kết thì thời gian lao động sẽ không phù hợp với người lao động cao tuổi, vì vậy Công ty Đ đã yêu cầu chuyển ông P sang bộ phận kho là hợp lý. Tại phiên tòa đại diện ông P thừa nhận giữa ông và người có thẩm quyền của Công ty Đ đã nhiều lần thỏa thuận miệng luân chuyển công việc của ông cụ thể chuyển ông P từ lái xe sang làm việc ở kho nhưng ông Phòng không đồng ý vì công việc ở kho nhiều hơn, nếu Công ty vẫn bố trí ông P làm ở kho thì nguyện vọng ông P xin nghỉ việc, tuy nhiên thủ tục cho thôi việc phải đúng quy định pháp luật. Đại diện nguyên đơn xác định ông P đã nhận thông báo số 01/2019/TB-TP ngày 02/01/2019, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung thông báo này có nêu rõ: “*V/v: Thỏa thuận và báo trước thời gian chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Nguyễn Đình P*”, nhận được thông báo ông P cũng không có thắc mắc khiếu nại gì, sau khi nhận quyết định cho thôi việc ông P đã đến Công ty nhận các khoản trợ cấp và chốt sổ bảo hiểm xã hội, đồng thời cũng đã hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quyết định số 43509 ngày 13/05/2019 số tiền 52.652.880 đồng và hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần theo quyết định 79121L01970 ngày 14/10/2019 số tiền là 141.698.324 đồng (theo Công văn số 235/CV-BHXXH ngày 03/6/2022 của Bảo hiểm xã hội quận B, Thành phố Hồ Chí Minh). Như vậy, chứng tỏ giữa hai bên đã có sự thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động.

Đại diện nguyên đơn cho rằng biên bản họp ngày 05/01/2019 có sau ngày Công ty T4 thông báo số 01/2019/TB-TP ngày 02/01/2019 đồng thời ông P không có mặt tại buổi làm việc ngày 05/01/2019 cũng như không ký tên vào biên bản, Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn luôn cho rằng thực chất không có buổi làm việc ngày 05/01/2019, chữ ký ông P tại biên bản là chữ ký không, chứng tỏ phía nguyên đơn không thừa nhận biên bản họp ngày 05/01/2018 vì vậy đại diện nguyên đơn cho rằng biên bản họp có trước ngày Công ty thông báo cho ông P nghỉ việc là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên cho thấy cấp sơ thẩm nhận định Công ty T4 Quyết định số 17/QĐTGD ngày 18/02/2019 chấm dứt hợp đồng lao động với ông Nguyễn Đình P từ ngày 18/02/2019 do thỏa thuận giữa hai bên đúng trình tự, thủ tục là có cơ sở.

[2.3] Tại cấp sơ thẩm nguyên đơn xin rút lại yêu cầu trả tiền trợ cấp thôi việc từ tháng 7/2001 đến tháng 12/2008, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[2.4] Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của bị đơn đối với nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ. Không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Chi phí, lệ phí tố tụng: Chi phí giám định chữ ký là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng do Công ty Cổ phần Đ chịu. Được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp. Công ty Cổ phần Đ nộp đủ chi phí giám định.

[4] Về án phí lao động:

[4.1] Án phí lao động sơ thẩm:

- Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn án phí lao động sơ thẩm.

- Bị đơn không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

[4.2] Án phí lao động phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 4, khoản 3 Điều 36, Điều 38, khoản 1 Điều 187 Bộ luật Lao động năm 2012; Luật Thi hành án Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Đình P. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình P đối với các yêu cầu:

2.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình P đối với các yêu cầu: Hủy Quyết định thôi việc số 17/QĐTGD ngày 18/02/2019; Yêu cầu Công ty Cổ phần Đ thường số tiền tính đến ngày 24/5/2023 tổng cộng là 642.590.495 (Sáu trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm chín mươi nghìn, bốn trăm chín mươi lăm) đồng. Trong đó, thu nhập do không được làm việc tạm tính 51 tháng 7 ngày tính từ 18/02/2019 đến tháng 24/5/2023 là 517.039.388 (năm trăm mười bảy triệu, không trăm ba mươi chín nghìn, ba trăm tám mươi tám) đồng; Yêu cầu bồi thường hai tháng lương trong hợp đồng tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động 2012 là 20.160.756 (hai mươi triệu, một trăm sáu mươi nghìn, bảy trăm năm sáu) đồng; Yêu cầu trả tiền Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế là 20,5% là 105.390.351 (một trăm lẻ năm triệu, ba trăm chín mươi nghìn, ba trăm năm mươi một) đồng.

2.2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc trả tiền trợ cấp thôi việc từ tháng 7/2001 đến tháng 12/2008.

2.3. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần Đ trợ ông Nguyễn Đình P số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu) đồng.

3. Về chi phí tố tụng: chi phí giám định chữ ký là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng do Công ty Cổ phần Đ chịu. Được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp. Công ty Cổ phần Đ nộp đủ chi phí giám định.

4. Về án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Tòa án nhân dân Q. Bình Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. Bình Tân;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Vp, Hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Thị Kim Thúy